

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2021

“Về tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:
Không có.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021, về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tô Thúy H**, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp K, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 11/10/2021 của nguyên đơn có nội dung:

Vào năm 2014, chị H xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Minh V, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/10/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/11/2015 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/01/2018, đang sống chung với anh V. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng đến nhau, mâu thuẫn liên quan đến tình cảm dẫn đến không có tiếng nói chung làm mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh V đã sống ly thân từ ngày 03/6/2021 và chị về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Cà Mau sinh sống cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh V yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Minh V vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện như sau:

Anh và chị H kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/10/2014.

Trong quá trình chung sống có con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/11/2015 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/01/2018, con chung đang sống chung với anh. Khi ly hôn anh xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng đến nhau vợ anh không trung thực với anh trong các mối quan hệ bên ngoài nên anh không còn tin tưởng chị H. Vợ anh đã về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Cà Mau sinh sống từ ngày 03/6/2021 dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì anh thấy không còn tình cảm với chị H.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- **Về hôn nhân:** Chị Tô Thúy H và anh Nguyễn Minh V thống nhất ly hôn.

- **Về con chung:** Chị H và anh V thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/11/2015 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/01/2018 cho anh V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V không có yêu cầu.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị H và anh V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác lập quan hệ hôn nhân với anh V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/10/2021 cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Theo chị H trình bày thì trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng đến nhau, mâu thuẫn liên quan đến tình cảm dẫn đến không có tiếng nói chung làm mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh V đã sống ly thân từ ngày 03/6/2021 cho đến nay mỗi người sống một nơi mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Anh V cũng thống nhất ý kiến của chị H về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H và anh V thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/11/2015 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/01/2018, hiện do anh V đang nuôi dưỡng luôn đảm bảo phát triển đầy đủ về mọi mặt, khi ly hôn anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đồng thời chị H cũng đồng ý giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo cho cháu H và cháu H1 có điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt và cũng như không xáo trộn cuộc sống của cháu H và cháu H1, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu H và cháu H1 cho anh V được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do Anh V không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh V khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thúy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tô Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 17/11/2015 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/01/2018 cho anh Nguyễn Minh V được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tô Thúy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh V không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tô Thúy H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002748, ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã T
(chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân